

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH  
BỆNH VIỆN AN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 302/TB-BVAB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2024

### THÔNG BÁO

**Về mời chào giá gói thầu kiểm tra vi sinh định kỳ các nguồn nước, không khí, dụng cụ và đồ vải sau tiết khuẩn tại phòng mổ định kỳ tại Bệnh viện An Bình năm 2024**

Kính gửi: Quý đơn vị (Nhà thầu)

Bệnh viện An Bình kính mời các đơn vị có năng lực và kinh nghiệm cung cấp theo yêu cầu dưới đây, vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện như sau:

1. Tên gói thầu: Kiểm tra vi sinh định kỳ các nguồn nước, không khí, dụng cụ và đồ vải sau tiết khuẩn tại phòng mổ định kỳ tại Bệnh viện An Bình năm 2024.
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: hợp đồng trọn gói.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện An Bình - số 146 An Bình, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày ký.
7. Yêu cầu về chào giá: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí và các chi phí khác có liên quan.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: **trước 16 giờ 00 phút ngày 19 tháng 4 năm 2024** hoặc đến khi Bệnh viện nhận đủ báo giá theo quy định.
9. Tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: quý đơn vị gửi bản giấy hồ sơ chào giá có ký tên, đóng dấu về địa chỉ: **Tổ mua sắm**, Bệnh viện An Bình - số 146 An Bình, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; người nhận: **Thục Uyên (SĐT: 0901 43 77 87)**.
10. Yêu cầu khác: hồ sơ chào giá bao gồm các tài liệu sau:
  - + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu) theo mẫu đính kèm.
  - + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu (nếu có);
  - + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực, hoặc ký từ năm 2023 trở về sau; trong đó, phải có hạng mục tương tự của hàng hóa, dịch vụ mời chào giá (nếu có).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TMS (TQ.03)

**TUQ. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
**Vũ Minh Đức**



**Phụ lục I:**  
**DANH MỤC VÀ YÊU CẦU**

(Kèm theo Thông báo số 302/TB-BVAB ngày 12 tháng 4 năm 2024  
của Bệnh viện An Bình)

(Đơn vị tính: Mẫu)

| Stt        | Tên chỉ tiêu                                                                   | Số lượng |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>A.</b>  | <b>Thực hiện 3 tháng/lần</b>                                                   |          |
| <b>I.</b>  | <b>Xét nghiệm nước RO theo tiêu chuẩn AAMI /13959:2014</b>                     |          |
| 1.         | Antimon (Sb)                                                                   | 4        |
| 2.         | Arsen (As)                                                                     | 4        |
| 3.         | Bari                                                                           | 4        |
| 4.         | Kali                                                                           | 4        |
| 5.         | Natri                                                                          | 4        |
| 6.         | Selen (Se)                                                                     | 4        |
| 7.         | Thủy ngân (Hg)                                                                 | 4        |
| 8.         | Bạc (Ag)                                                                       | 4        |
| 9.         | Beri (Be)                                                                      | 4        |
| 10.        | Cadimi (Cd)                                                                    | 4        |
| 11.        | Canxi (Ca)                                                                     | 4        |
| 12.        | Chì                                                                            | 4        |
| 13.        | Chlor                                                                          | 4        |
| 14.        | Crom tổng                                                                      | 4        |
| 15.        | Đồng (Cu)                                                                      | 4        |
| 16.        | Florua                                                                         | 4        |
| 17.        | Kẽm (Zn)                                                                       | 4        |
| 18.        | Magie (Mg)                                                                     | 4        |
| 19.        | Nhôm (Al)                                                                      | 4        |
| 20.        | Nitrate                                                                        | 4        |
| 21.        | Sulfate                                                                        | 4        |
| 22.        | Tali (Tl)                                                                      | 4        |
| 23.        | Cloramin                                                                       | 4        |
| 24.        | Tổng số vi sinh vật sống                                                       | 16       |
| 25.        | Endotoxin (định lượng)                                                         | 16       |
| <b>II.</b> | <b>Nước rửa tay phẫu thuật tại phòng mổ theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017</b> |          |
| 26.        | Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit                                              | 8        |
| 27.        | Streptococci feacal                                                            | 8        |
| 28.        | Pseudomonas aeruginosa                                                         | 8        |



| Stt          | Tên chỉ tiêu                                                     | Số lượng |
|--------------|------------------------------------------------------------------|----------|
| 29.          | Staphylococcus aureus                                            | 8        |
| 30.          | Coliforms tổng số                                                | 8        |
| 31.          | E.coli                                                           | 8        |
| <b>III.</b>  | <b>Cây không khí</b>                                             |          |
| 32.          | Tổng số vi khuẩn hiếu khí/m <sup>3</sup>                         | 20       |
| 33.          | Tổng số nấm men – nấm mốc/m <sup>3</sup>                         | 20       |
| 34.          | Vi khuẩn tan máu/m <sup>3</sup>                                  | 20       |
| 35.          | Staphylococcus aureus/m <sup>3</sup>                             | 20       |
| 36.          | Pseudomonas aeruginosa/m <sup>3</sup>                            | 20       |
| <b>IV.</b>   | <b>Dụng cụ và đồ vải sau tiết khuẩn</b>                          |          |
| 37.          | Tổng số vi khuẩn hiếu khí                                        | 8        |
| 38.          | Vi khuẩn tan máu                                                 | 8        |
| 39.          | Klebsiella                                                       | 8        |
| 40.          | Staphylococcus aureus                                            | 8        |
| 41.          | Pseudomonas aeruginosa                                           | 8        |
| <b>V.</b>    | <b>Nước tráng ống nội soi theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017</b> |          |
| 42.          | Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfat                                | 4        |
| 43.          | Streptococci feacal                                              | 4        |
| 44.          | Pseudomonas aeruginosa                                           | 4        |
| 45.          | Staphylococcus aureus                                            | 4        |
| 46.          | Coliforms tổng số                                                | 4        |
| 47.          | E.coli                                                           | 4        |
| <b>VI.</b>   | <b>Nước sinh hoạt</b>                                            |          |
| 48.          | Coliforms tổng số                                                | 4        |
| 49.          | E.coli                                                           | 4        |
| <b>VII.</b>  | <b>Nước uống</b>                                                 |          |
| 50.          | Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfat                                | 20       |
| 51.          | Streptococci feacal                                              | 20       |
| 52.          | Pseudomonas aeruginosa                                           | 20       |
| 53.          | Coliforms tổng số                                                | 20       |
| 54.          | E.coli                                                           | 20       |
| <b>B.</b>    | <b>Thực hiện 6 tháng/lần</b>                                     |          |
| <b>VIII.</b> | <b>Nước nấu ăn</b>                                               |          |
| 55.          | Coliforms tổng số                                                | 8        |
| 56.          | E.coli                                                           | 8        |
| <b>IX.</b>   | <b>Nước súc miệng khoa Răng Hàm Mất</b>                          |          |
| 57.          | Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfat                                | 2        |
| 58.          | Streptococci feacal                                              | 2        |
| 59.          | Pseudomonas aeruginosa                                           | 2        |
| 60.          | E.coli                                                           | 2        |
| 61.          | Coliforms tổng số                                                | 2        |
| <b>V.</b>    | <b>Nước tắm em bé theo tiêu chuẩn A QCVN 1-1:2018/BYT</b>        |          |

| Stt                            | Tên chỉ tiêu      | Số lượng |
|--------------------------------|-------------------|----------|
| 62.                            | Coliforms tổng số | 2        |
| 63.                            | E. coli           | 2        |
| 64.                            | Asen (As)         | 2        |
| 65.                            | Chlor dư tự do    | 2        |
| 66.                            | Độ đục            | 2        |
| 67.                            | Màu sắc           | 2        |
| 68.                            | Mùi               | 2        |
| 69.                            | Vị                | 2        |
| 70.                            | pH                | 2        |
| Công lấy mẫu/ ngày/02 người    |                   | 4        |
| Chi phí đi lại vận chuyển/ lần |                   | 4        |

72





**Phụ lục II:**  
**MẪU CHÀO GIÁ**

(Kèm theo Thông báo số 11/TB-BVAB ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Bệnh viện An Bình)

Đơn vị:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

**BẢNG BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện An Bình.

Địa chỉ: 146 An Bình, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Thông báo số 11/TB-BVAB ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Bệnh viện An Bình về mời chào giá. Đơn vị ... báo giá như sau:

| Stt | Tên chỉ tiêu    | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|-----------------|----------|---------|------------|
| (1) | (2)             | (3)      | (4)     | (5)        |
|     | ...             |          |         |            |
|     | Tổng cộng       |          |         |            |
|     | Tổng thành tiền |          |         |            |

**Ghi chú:**

- Giá chào là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và phí vận chuyển, bàn giao.
- Dịch vụ của nhà thầu đáp ứng yêu cầu của Thông báo mời chào giá.
- Báo giá này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày...tháng...năm 2024.

Ngày ... tháng ... năm 2024

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký tên và đóng dấu)